

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán điện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;

2. Bà Võ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ; Địa chỉ trụ sở: Số 35 T, phường B, Quận K, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1967; Địa chỉ liên hệ: Số 62 L, Phường F, Quận B, Thành phố H. (Giấy ủy quyền số 1484/UQ-PCTT ngày 13/12/2021) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Du T, sinh năm 1943; Địa chỉ: Số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tổng Công ty Đ có ông Đỗ Trọng N trình bày:

Ngày 08/03/2018, Tổng Công ty Đ đã ký Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sinh hoạt số hợp đồng 18/019265 với đương sự Du T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đương sự Du T đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền sử dụng điện hàng tháng. Tuy nhiên, từ các tháng 06, 07, 08, 09, 10 và 11 năm 2021 đương sự Du T không thanh toán tiền điện đúng hạn theo hợp đồng đã ký, tổng cộng 06 hóa đơn:

- Hóa đơn số 2304288 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/05/2021 đến 21/06/2021 với số tiền 3.008.993 (Ba triệu không trăm tám mươi tám ngàn chín trăm chín mươi ba) đồng.

- Hóa đơn số 2476020 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/06/2021 đến 21/07/2021 với số tiền 2.249.144 (Hai triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn một trăm bốn mươi bốn) đồng.

- Hóa đơn số 2644645 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/07/2021 đến 21/08/2021 với số tiền 2.296.616 (Hai triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm mười sáu) đồng.

- Hóa đơn số 2811867 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/08/2021 đến 21/09/2021 với số tiền 2.154.627 (Hai triệu một trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

- Hóa đơn số 2980478 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/09/2021 đến 21/10/2021 với số tiền 2.983.235 (Hai triệu chín trăm tám mươi ba ngàn hai trăm ba mươi lăm) đồng.

- Hóa đơn số 3154089 khách hàng sử dụng điện từ ngày 22/10/2021 đến 21/11/2021 với số tiền 3.012.213 (Ba triệu không trăm mười hai ngàn hai trăm mười ba) đồng.

Tổng cộng đương sự Du T còn nợ tiền điện chưa thanh toán số tiền là 15.704.828 (Mười lăm triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn tám trăm hai mươi tám) đồng.

Tổng Công ty Đ đã thông báo ngừng cung cấp điện ngày 07/11/2021.

Nay Tổng Công ty Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 buộc đương sự Du T phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ là 15.704.828 (Mười lăm triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn tám trăm hai mươi tám) đồng cho Tổng Công ty Đ.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không

có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

Tổng Công ty Đ đã ký hợp đồng mua bán điện với bị đơn theo như nội dung vụ án đã trình bày, bị đơn sử dụng điện nhưng chưa thanh toán hết tiền điện cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn là số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong hợp đồng mua bán điện với nguyên đơn đều thể hiện địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn là số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong hợp đồng mua bán điện với nguyên đơn đều thể hiện bị đơn tạm trú tại địa chỉ số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H.

Theo kết quả trả lời của Công an phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 23/2022/QĐ-CCTLCC ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự Du T không thực tế cư trú tại địa chỉ 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của đương sự Du T: theo kết quả trả lời của Công an Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 244/2022/QĐ-CCTLCC ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự Du T có hộ khẩu thường trú tại 243/75A T, Phường E, Quận B, Thành phố H nhưng không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2019 đến nay, không rõ đi đâu làm gì.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền điện còn nợ đây là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán điện” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn cư trú tại Quận 7 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Đối với bị đơn là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Đối với yêu cầu của Tổng Công ty Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện số 18/019265 ngày 08/03/2018 được ký giữa Tổng Công ty Đ với bị đơn cho thấy việc giao kết hợp đồng mua bán điện nêu trên giữa các bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn sử dụng điện tại địa chỉ số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H với mục đích sinh hoạt. Trong quá trình sử dụng điện, bị đơn đương sự Du T không thanh toán 06 kỳ tiền điện tháng 06, 07, 08, 09, 10 và 11 năm 2021 với số tiền 15.704.828 đồng. Ngày 07/11/2021, nguyên đơn đã tiến hành ngừng cấp điện tại địa chỉ số 84/1H Khu phố M, phường P, Quận B, Thành phố H. Do bị đơn đã vi phạm khoản 5 Điều 1 của hợp đồng về hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền điện còn nợ là 15.704.828 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền điện còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Ghi nhận sự tự nguyện của Tổng Công ty Đ về việc không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền 15.704.828 đồng cho Tổng Công ty Đ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Quyền kháng cáo: Tổng Công ty Đ và đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Buộc đương sự Du T phải có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền điện còn nợ là 15.704.828 (Mười lăm triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn tám trăm hai mươi tám) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Tổng Công ty Đ về việc không yêu cầu đương sự Du T phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền 15.704.828 (Mười lăm triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn tám trăm hai mươi tám đồng chẵn) đồng cho Tổng Công ty Đ.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Đương sự Du T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán điện là 785.241 (Bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một) đồng.

Tổng Công ty Đ không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Tổng Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 392.621 (Ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm hai mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013954 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Luyện